

Số: /KH-UBND

Hiệp Lực, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Hiệp Lực giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11/NQ-CP); Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động số 15-KH/TU); Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030 và Các Kế hoạch của Đảng ủy xã: Số 14-KH/ĐU ngày 22/9/2025 về việc hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Hiệp Lực (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 14-KH/ĐU); số 66-KH/ĐU ngày 03/3/2026 về triển khai Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Tỉnh ủy về việc phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Hiệp Lực, UBND xã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số xã Hiệp Lực giai đoạn 2026 - 2030, với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển toàn diện, mạnh mẽ, đột phá, tập trung vào chất lượng và hiệu quả sử dụng của người dân, doanh nghiệp với trọng tâm xây dựng Chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số, đơn giản hóa TTHC, cung cấp dịch vụ công chất lượng cao; Kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu; xã hội số phát triển văn minh, an toàn, bao trùm, tổng thể gắn với thực mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 11/NQ-CP; Đề án số 22-ĐA/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch hành động số 14-KH/ĐU của Đảng ủy xã.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh:

** Giai đoạn 2026 - 2027:*

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.
- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

** Giai đoạn 2028 - 2030:*

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.
- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hoá”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.
- 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu:

** Giai đoạn 2026 - 2027:*

- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

** Giai đoạn 2028 - 2030:*

- Xã đạt cấp độ 4 trở lên về mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.
- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.
- 100% đơn vị sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.
- 90% phản hồi, góp ý của người dân, doanh nghiệp từ Cổng dịch vụ công quốc gia,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% công chức chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế:

* Giai đoạn 2026 - 2030:

- Phát triển doanh nghiệp số:

- + Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyên đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).

- + Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 90%.

- Thúc đẩy thanh toán số, phổ cập thanh toán số toàn diện cho người dân và doanh nghiệp.

- Thúc đẩy Kinh tế số trong các lĩnh vực, gồm: nông nghiệp; văn hóa, du lịch... Đồng thời, phát triển Kinh tế số gắn liền tài chính, ngân hàng, tài nguyên, môi trường, xanh, bền vững.

- + Đối với nông nghiệp: Thúc đẩy các trang trại, hợp tác xã dùng nền tảng quản trị, tích hợp cảm biến IoT.

- + Đối với du lịch: Thúc đẩy các cơ sở lưu trú sử dụng nền tảng quản trị số và cho phép đặt phòng trực tuyến.

- + Đối với thương mại: Tăng tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử/tổng mức bán lẻ; tăng tỷ lệ cửa hàng bán buôn, bán lẻ sử dụng nền tảng số.

2.3. Phát triển xã hội số:

* Giai đoạn 2026 - 2030:

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 50%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 85%.

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 50%.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 90%.
- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.
- Phổ cập kết nối cáp quang băng rộng tới hộ gia đình, 100% khách hàng có nhu cầu đều có truy cập FTTH tốc độ Gbps.
- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt 100%.
- 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số.
- Mở rộng mô hình, phương thức tập huấn để nâng cao kỹ năng số tối thiểu trên 50% người lao động và người dân trên địa bàn xã.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Thực hiện số hóa các di sản văn hóa, kết hợp bảo tồn, phát huy các giá trị di sản với phát triển du lịch, nâng cao đời sống thu nhập cho người dân.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của: Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã; các thành viên Ban Chỉ đạo và Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn xã.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các phòng, ban, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Đảng ủy xã, UBND xã và Chủ tịch UBND xã giao tại các văn bản, kế hoạch, chương trình liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ được giao thông qua việc cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch thực hiện đảm bảo theo hướng 6 rõ; thường xuyên giám sát, theo dõi tiến độ thực hiện để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, giải quyết các khó khăn, vướng mắc (*nếu có*).

- Tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số (DTI) của xã. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, sáng kiến, gương điển hình tiên tiến trong triển khai chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Thể chế, chính sách số

- Tham gia rà soát, hoàn thiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ triển khai Chính quyền số và Chiến lược dữ liệu của tỉnh; tham gia xây dựng các quy định, quy chế, chính sách phục vụ triển khai, quản lý, khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu, phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng các dịch vụ công trực tuyến cũng như các hoạt động thực thi công vụ trên môi trường số.

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin như phần mềm, phần cứng.

- Khuyến khích các phòng, ban, đơn vị nghiên cứu, áp dụng phương thức hợp tác công tư đối với các dự án đầu tư phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số, nền tảng số dùng chung, đào tạo nhân lực số, các loại hình công nghệ, sản phẩm, dịch vụ khác, hoạt động khác phù hợp với mục tiêu thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và điều kiện thực tiễn.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm các TTHC không cần thiết; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

3. Hạ tầng số

- Ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số của xã giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm đồng bộ, toàn diện, hiện đại, an toàn, an ninh và có tính dự phòng cao; làm nền tảng thúc đẩy Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số tại các khu vực trọng điểm như: khu hành chính tập trung, khu đông dân cư...; hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng viễn thông (trạm BTS, tuyến truyền dẫn,...) kiên cố, bền vững để bảo đảm tính kết nối, liên thông và đồng bộ, phục vụ quá trình chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

- Tham gia chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số với các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để tăng hiệu quả đầu tư, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

4. Nhân lực số

- Tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến thức chính quyền số; dữ liệu, phân tích dữ liệu; sử dụng dữ liệu, ứng dụng AI hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành; an toàn thông tin; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...trên nền tảng “Bình dân học vụ số”.

- Có các chính sách phù hợp, hiệu quả để thu hút nhân sự có bằng chuyên trách về chuyển đổi số.

- Triển khai phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

5. Dữ liệu số

- Tiếp tục số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gắn với định danh công dân theo Đề án 06, không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có ký số hợp lệ được chấp nhận như giấy tờ chính thức theo quy định của pháp luật.

- Số hóa tài liệu lưu trữ cơ quan song song với việc xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết TTHC, làm giàu Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức.

- Tham gia liên thông, kết nối, chia sẻ và đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia; thường xuyên rà soát, cập nhật, bảo đảm dữ liệu thống nhất, chính xác, kịp thời, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện triển khai các công cụ rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu. Đảm bảo dữ liệu "Đúng - đủ - sạch - sống". Nâng cao mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu lên cấp độ 4-5.

6. An toàn thông tin mạng

- Hệ thống thông tin tại đơn vị đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ. Hệ thống thông tin quan trọng, hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn, an ninh mạng, được kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đạt mục tiêu theo quy định và hướng dẫn của Bộ Công an.

- Tổ chức tập huấn về an toàn thông tin mạng, triển khai các quy định về ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng.

- Triển khai theo hướng dẫn của cấp trên về các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, chống lộ lọt dữ liệu; ứng dụng AI để rà quét, phát hiện và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, lừa đảo trực tuyến.

7. Chính quyền số

7.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

7.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số:

- Xác định đầy đủ các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyên đề số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng; Công văn số 1876/BKHCN-CĐSQG ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xác định hạ tầng số, phần mềm, ứng dụng dùng chung (cấp trung ương, tỉnh, xã) để tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; Công văn số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc;...

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức:

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn phục vụ công việc.

7.4. Tiếp tục thực hiện triển khai hiệu quả Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06) trên địa bàn xã Hiệp Lục.

8. Kinh tế số

8.1. Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực:

- Triển khai hiệu quả: Kế hoạch số 148/KHPH-BKHHCN-UBND ngày 02/12/2025 giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh về phối hợp triển khai thí điểm hỗ trợ cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến...Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, du lịch...góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng kênh phân phối và phát triển kinh tế số tại xã.

- Ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) trong đánh giá, dự báo thị trường, hành vi tiêu dùng, xu hướng phát triển ngành hàng; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động marketing, bán hàng, xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp trong môi trường số.

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

8.2. Triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số:

- Triển khai các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tiếp cận, ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số phù hợp như: Quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử.

9. Xã hội số

- Tiếp tục triển khai các mô hình điểm của Đề án 06, trong đó tập trung các mô hình điểm như cấp lý lịch tư pháp qua VNeID, hồ sơ sức khỏe điện tử, mô hình trường học (học bạ số, xác thực thông tin giáo viên và học sinh; cho phép giáo viên đăng nhập bằng tài khoản VNeID (SSO); hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền,... nhằm thực hiện có hiệu quả các mô hình điểm, mang lại các giá trị, tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Tăng cường triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân, đảm bảo 100% người dân có hồ sơ y tế được quản lý, cập nhật liên tục.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục thông qua các nền tảng học trực tuyến, cá nhân hóa học tập và triển khai mô hình giáo dục STEM/STEAM. Phát triển nền tảng LMS (Learning Management System) tích hợp AI cá nhân hóa lộ trình học; ứng dụng AI hỗ trợ giảng dạy; đào tạo kỹ năng số, an ninh mạng cho giáo viên.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm nâng cao kỹ năng, năng lực hỗ trợ, hướng dẫn cho người dân trên địa bàn sử dụng các dịch vụ, ứng dụng thiết thực để phát triển Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số.

- Triển khai “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, thực hiện tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, vận động người dân tham gia sử dụng các dịch vụ, tiện ích số, như dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường số, cấp chữ ký số miễn phí cho người dân để thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân trên địa bàn xã từ đó góp phần xây dựng xã hội số, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận, học tập, làm việc, sản xuất và tương tác trên môi trường số.

- Triển khai công bố cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số theo hướng dẫn của cấp trên nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử.

(Có Danh sách nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 kèm theo).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các phòng, ban, đơn vị chủ động rà soát các nhiệm vụ chi và sử dụng kinh phí từ nguồn dự toán ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 đã được UBND xã giao để thực hiện kế hoạch đảm bảo theo đúng thực tế, hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định.

3. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã

- Chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ tại phòng, ban, đơn vị đảm bảo đồng bộ với chỉ tiêu, nhiệm vụ của ngành dọc và chỉ tiêu chung của xã; chủ động sử dụng các nguồn kinh phí được cấp để triển khai thực hiện.

- Căn cứ danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số ban hành kèm theo Kế hoạch này và quy định của pháp luật hiện hành, các phòng, ban, đơn vị chủ động xác định những nội dung cần xây dựng đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số và dự toán kinh phí trình Phòng kinh tế, Lãnh đạo UBND xã phê duyệt. Đối với các nhiệm vụ, dự án cụ thể đã đăng ký (*nếu có*), yêu cầu phòng, ban, đơn vị làm rõ cơ sở pháp lý, phạm vi, quy mô, sự cần thiết trên nguyên tắc 6 rõ (*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và rõ kết quả*) trước khi triển khai nhiệm vụ.

- Định kỳ hằng quý (*trước ngày 20 tháng cuối quý*), 06 tháng (*trước ngày 20/5*), 01 năm (*trước ngày 15/12*) hoặc đột xuất (*khi được yêu cầu*) báo cáo tiến độ, kết quả triển khai Kế hoạch gửi UBND xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) tổng hợp báo cáo.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị tổ chức triển khai Kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Đồng thời hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị rà soát, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ yêu cầu.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo UBND xã rà soát, đánh giá, tổ chức triển khai nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đã đề xuất tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch bảo đảm phù hợp, hiệu quả, đúng quy định hiện hành; nội dung tham mưu phải đánh giá chính xác được hiện trạng, sự cần thiết, hiệu quả đầu tư, giải pháp kỹ thuật, công nghệ đáp ứng được nhu cầu, phù hợp với quy mô, tính chất của nhiệm vụ.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch tại các phòng, ban, đơn vị để báo cáo UBND xã, đơn vị cấp trên theo quy định.

3. Phòng Kinh tế

Trên cơ sở đề xuất kinh phí triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch của các phòng, ban, đơn vị, các đơn vị và căn cứ khả năng cân đối ngân sách xã, Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành và đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp xã.

4. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn xã

Phối hợp, hỗ trợ các phòng, ban, đơn vị liên quan trên địa bàn xã tăng cường công tác quảng bá và tiêu thụ sản phẩm nông sản lên sàn thương mại điện tử, đặc biệt là các sản phẩm OCOP của xã.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số xã Hiệp Lực giai đoạn 2026-2030. Yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị của xã chỉ đạo triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các đơn vị báo cáo UBND xã (*qua Phòng Văn hóa – Xã hội*) để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT, VHXXH.Dienht.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thái Hoàng

NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Hiệp Lực)

TT	Tên nhiệm vụ	Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các bộ phận liên quan	Từ năm 2026 đến năm 2030
2	Triển khai hệ thống phòng họp không giấy thông minh cấp xã	Văn phòng HĐND và UBND	Các bộ phận liên quan	Từ năm 2026 đến năm 2030
3	Ứng dụng công nghệ, AI, IoT trong nông nghiệp (thí điểm 01 mô hình, sau đó nhân rộng): tưới tiêu thông minh, quản lý nguồn nước, phòng trừ sâu bệnh, quản lý dinh dưỡng trong đất...	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các bộ phận liên quan	Từ năm 2026 đến năm 2030
4	Xây dựng chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP (tối ưu hóa chi phí, chất lượng, truy xuất nguồn gốc)	Phòng Kinh tế	Các bộ phận liên quan	Từ năm 2026 đến năm 2030
5	Đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Trung tâm PVHCC	Các bộ phận liên quan	Từ năm 2026 đến năm 2030